TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02**/2022/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 25 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Út Lệ

Thư ký phiên họp: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên họp: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-VDS, ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 - Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đàm Thị X, sinh năm 1984 - Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

+ Anh Lường Quang H, sinh năm 1979 - Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 04/4/2022, biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Duy T trình bày:

Vào năm 2015, anh Nguyễn Duy T và chị Đàm Thị X gặp gỡ, quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng. Đến ngày 10/01/2016, chị X sinh một bé trai, đặt tên là Lường Quang T1. Thời điểm sinh cháu T1, chị X vẫn đang là vợ hợp pháp của anh Lường Quang H. Vì vậy, tại giấy khai sinh của cháu T1 phần họ, chữ đệm, tên người cha là Lường Quang H.

Ngày 04/04/2018, chị X, anh H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đến ngày 03/7/2018, anh T và chị X đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 22/7/2019, anh T đã đưa cháu T1 xuống Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO - Địa chỉ: 38M2, T, Y, C, Hà Nội để làm xét nghiệm ADN. Kết quả xét nghiệm khẳng định *"Người có mẫu ghi tên Nguyễn Duy T có quan hệ huyết thống cha - con với người có mẫu ghi tên Lương Quang T1, với độ tin cậy 99,999999%"*

Dựa trên kết quả xét nghiệm này, anh Nguyễn Duy T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết công nhận anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của cháu Lường Quang T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị X trình bày: Chị xác nhận những lời trình bày của anh T là chính xác. Đề nghị Tòa án xem xét công nhận anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của cháu Lường Quang T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Quang H trình bày: Anh không có đề nghị xét nghiệm ADN để xác định cháu T1 có phải là con đẻ của anh hay không. Anh khẳng định anh không phải cha đẻ của cháu T1. Anh không có ý kiến đối với việc giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của anh T. Đồng thời đề nghị Tòa án không triệu tập anh đến giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp, anh T, chị X đều thừa nhận nhất trí với kết quả xét nghiệm ADN và khẳng định anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của cháu Lường Quang T1. Anh T, chị X cùng đề nghị Tòa án công nhận việc anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của cháu Lường Quang T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Quang H vắng mặt tại phiên họp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Duy T hiện đang cư trú tại Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; anh yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của cháu Lường Quang T1 nên đây là yêu cầu xác định cha cho con thuộc yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc anh T yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Anh Lường Quang H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã lấy lời khai của anh H, anh H có đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Anh Nguyễn Duy T và chị Đàm Thị X chung sống với nhau như vợ chồng năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 03/7/2018. Ngày 10/01/2016, chị X sinh một bé trai là Lường Quang T1. Ngày 22/7/2019, theo đơn yêu cầu của anh T, anh Nguyễn Duy T và cháu Lường Quang T1 đã thực hiện xét nghiệm ADN tại Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO - Địa chỉ: 38M2, Trần Kim Xuyến, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để làm xét nghiệm ADN. Kết quả xét nghiệm số KQ20129519 khẳng định *"Người có mẫu ghi tên Nguyễn Duy T có quan hệ huyết thống cha – con với người có mẫu ghi tên Lương Quang T1, với độ tin cậy 99,999999%"*.

Ngày 05/5/2022, Tòa án nhân dân huyện N gửi công văn số 34/TANS cho Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO, đề nghị trả lời về tính pháp lý của kết quả xét nghiệm này và xác định người có tên Lương Quang T1 trong kết quả xét nghiệm và Lường Quang T1 có phải là cùng một người hay không. Tại văn bản số 011005/2022/CV-ADN, ngày 10/5/2022 của Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO về việc giám định ADN khẳng định *"Chúng tôi xác nhận người có tên LƯƠNG QUANG T1 và LƯỜNG QUANG T12 là một người"* và *"Chúng tôi có ban hành Kết quả xét nghiệm ADN số KQ20129519 ngày 22/7/2019 đối với anh Nguyễn Duy T (cha giả định với cháu Lường Quang T1 (Con giả định) Kết quả xét nghiệm như sau: Người có mẫu ghi tên Nguyễn Duy T có quan hệ huyết thống cha – con với người có mẫu ghi tên Lương Quang T1, với độ tin cậy 99,999999%"*.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện N có đủ cơ sở kết luận anh Nguyễn Duy T là cha đẻ của người có tên Lường Quang T1, sinh ngày 10/01/2016 theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định một người có quyền xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp "Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng".

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Tòa án nhân dân huyện N nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Đây là yêu cầu xác định cha cho con chưa đủ 18 tuổi nên người yêu cầu là anh Nguyễn Duy T được miễn lệ phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 88, Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định anh Nguyễn Duy T, sinh ngày 08/6/1986, số căn cước công dân 006086006215 là cha đẻ của cháu Lường Quang T1, sinh ngày 10/01/2016 có Giấy khai sinh số 01/2016 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18/01/2016.

2. Anh Nguyễn Duy T được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện N (khi QĐ có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ